

Bản án số: 48/2018/DS -ST

Ngày: 29-10-2018.

v/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: **1/ Ông Nguyễn Anh Trí.**
2/ Ông Đặng Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Trinh – Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2018/TLST-DS ngày 25/7/2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXDS - DS ngày 20/9/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/QĐST - DS ngày 08/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng X;

Trụ sở chính: A, phường L, quận M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dong Quyết T; Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng X.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T; Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch chi nhánh Ngân hàng X huyện H. Theo giấy ủy quyền số 210/UQ-NHCS ngày 06/12/2016 (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện ngày 15/6/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:** Vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị D có vay vốn của Ngân hàng X, gồm 02 khoản vay, cụ thể như sau:

Món vay nước sạch và vệ sinh môi trường: Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương sử dụng vốn vay, phê duyệt ngày 06/8/2012 và sổ lưu từ ròi theo dõi cho vay – Thu nợ - Dư nợ thì ngày 29/8/2012 ông Nguyễn Văn L có vay vốn chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn tại phòng giao dịch Ngân hàng X huyện H, số tiền vay là 8.000.000đồng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất trong hạn là 0,9%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,17%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 10/8/2017. Hiện nay ông L còn nợ số tiền: 6.937.260đồng, trong đó gồm tiền gốc là 6.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/10/2018 là 937.260đồng.

Món vay học sinh sinh viên: Theo sổ lưu từ ròi theo dõi cho vay – Thu nợ - Dư nợ thì ngày 14/10/2008 ông Nguyễn Văn L có vay vốn chương trình Học sinh sinh viên tại phòng giao dịch Ngân hàng X huyện Hàm Thuận Bắc, số tiền vay là 36.000.000đồng, thời hạn vay là 120 tháng, lãi suất trong hạn là 0,5%/tháng, sau đó có điều chỉnh lãi suất là 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn 0,845%/tháng, hạn trả nợ là ngày 10/10/2017, sau đó hộ ông L có xin gia hạn trả nợ cuối cùng là vào ngày 10/02/2018. Hiện nay ông L còn nợ số tiền: 37.938.223đồng, trong đó gồm tiền gốc là 35.200.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/10/2018 là 2.738.223đồng.

Khi đến hạn trả nợ ông Nguyễn Văn L và vợ là bà Huỳnh Thị D không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo cam kết. Ngân hàng X đã nhiều lần yêu cầu ông L, bà D thanh toán toàn bộ nợ vay nhưng ông L, bà D không thực hiện. Vì vậy Ngân hàng X khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị D phải trả cho phòng giao dịch Ngân hàng X huyện H tổng số tiền là 44.875.483đồng, trong đó tiền gốc là 41.200.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 29/10/2018 là 3.675.483đồng, cùng lãi phát sinh kể từ ngày 29/10/2018 đến khi hai bên thanh toán xong nợ.

Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nhà của ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị D để tổng đạt các văn bản tố tụng, ông L, bà D cố tình lẩn tránh, vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như ghi lời khai, lập Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với ông L, bà D theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:*

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay là 44.875.483đồng. Bị đơn có địa chỉ và sinh sống ở xã C, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác

định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

[2]. *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. *Về nội dung*: Căn cứ vào Sổ vay vốn; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương sử dụng vốn vay, phê duyệt ngày 06/8/2012; Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay – Thu nợ - Dư nợ; Giấy đề nghị gia hạn nợ thì có cơ sở xác định: Ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị D có vay tiền và thanh toán tiền vay cho Ngân hàng X các khoản như sau:

Món vay nước sạch và vệ sinh môi trường: Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương sử dụng vốn vay, phê duyệt ngày 06/8/2012 và sổ lưu từ rời theo dõi cho vay – Thu nợ - Dư nợ thì ngày 29/8/2012 ông Nguyễn Văn L có vay vốn chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn tại phòng giao dịch Ngân hàng X huyện H, số tiền vay là 8.000.000đồng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất trong hạn là 0,9%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,17%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 10/8/2017. Hiện nay ông L còn nợ số tiền: 6.937.260đồng, trong đó gồm tiền gốc là 6.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/10/2018 là 937.260đồng.

Món vay học sinh sinh viên: Theo sổ lưu từ rời theo dõi cho vay – Thu nợ - Dư nợ thì ngày 14/10/2008 ông Nguyễn Văn L có vay vốn chương trình Học sinh sinh viên tại phòng giao dịch Ngân hàng X huyện H, số tiền vay là 36.000.000đồng, thời hạn vay là 120 tháng, lãi suất trong hạn là 0,5%/tháng, sau đó có điều chỉnh lãi suất là 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn 0,845%/tháng, hạn trả nợ là ngày 10/10/2017, sau đó hộ ông L có xin gia hạn trả nợ cuối cùng là vào ngày 10/02/2018. Hiện nay ông L còn nợ số tiền: 37.938.223đồng, trong đó gồm tiền gốc là 35.200.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/10/2018 là 2.738.223đồng.

Do bị đơn ông Nguyễn Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị D không đến Tòa án để tham dự phiên tòa, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ có liên quan đến giao dịch vay tiền của hai bên, Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ hợp đồng vay tiền trên để xác định bị đơn ông Nguyễn Văn L có vay tiền của nguyên đơn với tổng số tiền là 44.875.483đồng, trong đó tiền gốc là 41.200.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 29/10/2018 là 3.675.483đồng.

Xét yêu cầu trả nợ gốc và lãi của nguyên đơn: Do 02 món vay trên là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi suất, khi đến hạn trả nợ ông Nguyễn Văn L và vợ là bà Huỳnh Thị D không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo cam kết. Việc vi phạm này ít nhiều cũng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại các Điều 471, 474, 476 và 478 của Bộ Luật Dân sự năm 2005; Điều 351; Điều 352; Điều 353; Điều 468; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về trách nhiệm liên đới của bà Huỳnh Thị D với số tiền nợ trên. Mặc dù, bà Huỳnh Thị D không phải là người trực tiếp nhận tiền, nhưng số vay vốn có chữ ký của bà Huỳnh Thị D là người thừa kế, trong thời gian vay tiền ông L và bà D là vợ chồng, đây là khoản vay trong thời kỳ hôn nhân nên căn cứ Điều 27; khoản 1 Điều 30; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, bà D phải có trách nhiệm trả nợ cùng ông L.

Từ những nhận định và phân tích như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị D phải trả cho phòng giao dịch Ngân hàng X huyện H tổng số tiền là 44.875.483đồng, trong đó tiền gốc là 41.200.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 29/10/2018 là 3.675.483đồng, cùng lãi phát sinh kể từ ngày 29/10/2018 đến khi hai bên thanh toán xong nợ .

[4]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị D phải chịu 44.875.483đồng X 5% = 2.244.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do Ngân hàng X không phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không phải hoàn lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471; Điều 474; Điều 476 và Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 351; Điều 352; Điều 353; Điều 468; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Điều 27; khoản 1 Điều 30; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng X. Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị D phải trả cho phòng giao dịch Ngân hàng X huyện H tổng số tiền là **44.875.483đồng** (Bốn mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn bốn trăm tám mươi

ba đồng), trong đó tiền gốc là 41.200.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 29/10/2018 là 3.675.483đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (29/10/2018), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị D phải chịu 2.244.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện H.
- Thi hành án dân sự huyện H.
- Các đương sự.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tâm